

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY

THÁI BÌNH, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 783 /QĐ-YDTB ngày 29 / 5 /2023)

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học hệ chính quy được xây dựng và triển khai đào tạo từ những ngày thành lập Trường. Trải qua 55 xây dựng và trưởng thành, CTĐT đã liên tục được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực bác sĩ y khoa của đất nước, xã hội, người học và người sử dụng lao động cũng như đáp ứng các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của bác sĩ y khoa.

Chương trình được thiết kế thời gian đào tạo trung bình là 6 năm, chia thành 12 học kỳ chính, người học cần tích lũy 215.5 tín chỉ (chưa tính nội dung giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất) để được xét tốt nghiệp.

Chương trình được rà soát, cập nhật điều chỉnh theo quy định hiện hành của Trường. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

2. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

3. Tên chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: CTĐT ngành Y khoa trình độ đại học

- Tên tiếng Anh: **General Medicine**

5. Trình độ đào tạo: Đại học

6. Ngành đào tạo: Y khoa

7. Mã ngành đào tạo: 7720101

8. Thời gian đào tạo: 6 năm

9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

10. Hình thức đào tạo: chính quy

3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y khoa có ý thức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3.2. Mục tiêu cụ thể Program Educational Objective - PEO)

- PEO 1. Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng
- PEO 2. Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh
- PEO 3. Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- PEO 4. Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân
- PEO 5. Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường; một số bệnh chuyên khoa
- PEO 6. Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.
- PEO 7. Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- PEO 8. Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng
- PEO 9. Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục.
- PEO 10. Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh ; thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- PEO 11. Tham gia nghiên cứu khoa học.
- PEO 12. Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- PEO 13. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.
- PEO 14. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- PEO 15. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp
- PEO 16. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Learning Outcome - PLO)

4.1. Kiến thức

- PLO 1. Vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- PLO 2. Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp
- PLO 3. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng trong thực hành chăm sóc sức khỏe, tăng cường và phòng ngừa bệnh tật cho cá nhân, gia đình và cộng đồng
- PLO 4. Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động khám chữa bệnh.

4.2. Kỹ năng

- PLO 5. Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được các bệnh thông thường
- PLO 6. Phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp
- PLO 7. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- PLO 8. Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị
- PLO 9. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm
- PLO 10. Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị.
- PLO 11. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả về việc ra quyết định điều trị, giải thích lợi ích, nguy cơ của những can thiệp y khoa trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh
- PLO 12. Thông báo cho bệnh nhân và thân nhân tình trạng của người bệnh, chuẩn bị tâm lý cho bệnh nhân và gia đình trước khi cung cấp những thông tin xấu của người bệnh
- PLO 13. Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn. Áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh

- PLO 14. Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc chăm sóc người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm
- PLO 15. Có khả năng xử lý kịp thời áp lực về tinh thần, thời gian, công việc khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- PLO 16. Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp
- PLO 17. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp
- PLO 18. Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình.
- PLO 19. Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp
- PLO 20. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

* *Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* *Phạm vi tuyển sinh*: Tuyển sinh trong cả nước.

* *Phương thức tuyển sinh*: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển
B00	Toán – Hóa – Sinh
D07	Toán – Hóa – Anh
D08	Toán – Sinh – Anh

* *Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh*: 550 chỉ tiêu/năm

* *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)*

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản, quy định hiện hành được công bố trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

6. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR MT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
PEO 1	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x			x				
PEO 2	x	x		x		x	x	x	x	x			x							
PEO 3	x			x	x	x	x	x	x	x			x							
PEO 4				x	x	x					x	x		x		x	x	x	x	x
PEO 5							x	x	x	x			x	x	x		x			
PEO 6							x	x	x	x			x	x	x		x			
PEO 7	x					x	x	x	x	x			x	x						
PEO 8	x					x	x	x						x						

CĐR MT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
PEO 9	x	x	x	x	x								x	x	x			x	x	x
PEO 10	x	x	x	x	x	x					x		x							
PEO 11				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x
PEO 12						x	x			x	x		x					x	x	x
PEO 13			x												x					
PEO 14		x	x	x	x								x							
PEO 15	x			x	x						x	x			x	x	x			
PEO 16	x			x	x						x	x			x	x	x			

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* *Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

* *Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong cả nước.

* *Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển
B00	Toán, Hóa học, Sinh học

* *Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:* 600 chỉ tiêu/năm

* *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)*

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* *Tổ chức tuyển sinh:* Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản, quy định hiện hành được công bố trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 215.5 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), chia thành 12 học kỳ trong 6 năm.

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Năm
I. Khối kiến giáo dục đại cương (44 tín chỉ - bao gồm cả GDTC và GDQP)								
1.	1110MEDSCI1T	Khoa học Y học 1	8	7	1			1
2.	9110MLPHIL0T	Triết học Mác-Lênin	3	3	0			1
3.	1110FRLGEN1T	Ngoại ngữ 1: Tiếng Anh đại cương 1	3	3	0			1
4.	9110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1	1*	0	1*			1
5.	9110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2	1*	0	1*			1
6.	9110PHYSED1T	Giáo dục an ninh quốc phòng 1	3*	3*	0			1
7.	9110MLTEDU2T	Giáo dục an ninh quốc phòng 2	2*	2*	0			1
8.	9110MLTEDU3T	Giáo dục an ninh quốc phòng 3	3*	2*	1*			1
9.	9110MLTEDU4T	Giáo dục an ninh quốc phòng 4	1*	1*	0			1

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Năm
10.	1110INFORM0T	Tin học	3	1	2			1
11.	9110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị	2	2	0			2
12.	9110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0			2
13.	9110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3	1*	0	1*			2
14.	1110FRLGEN3T	Ngoại ngữ 3: Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	0			3
15.	9110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0			3
16.	1110FRLGEN4T	Ngoại ngữ 4: Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	0			4
17.	9110HSTPRT0T	Lịch sử Đảng	2	2	0			4
18.	1110AHEINS0T	Nhà nước Pháp luật	1	1	0			4

II. Khối kiến thức cơ sở ngành (65 tín chỉ bắt buộc)

19.	1120MEDSCI2T	Khoa học Y học 2	2	2	0			1
20.	1120MEDSCI3T	Khoa học Y học 3	3	3	0			1
21.	1120MEDSCI4T	Khoa học Y học 4	4.5	3.5	1			1
22.	1120IRHSYS1T	Module Hệ Miễn dịch- Đề kháng-Ký chủ 1	2.5	2	0.5			2
23.	1120IRHSYS2T	Module Hệ Miễn dịch- Đề kháng-Ký chủ 2	4.5	4	0.5			2
24.	1120HEMSYS0T	Module Hệ Huyết học	3.5	3	0.5			2
25.	1120CARDSY0T	Module Hệ Tim mạch	3.5	3	0.5			2
26.	1120RESPSY0T	Module Hệ Hô hấp	3	2.5	0.5			2
27.	1120DIGESY0T	Module Hệ Tiêu hóa	3.5	3	0.5			2
28.	1120URINSY0T	Module Hệ Tiết niệu	3	2.5	0.5			2

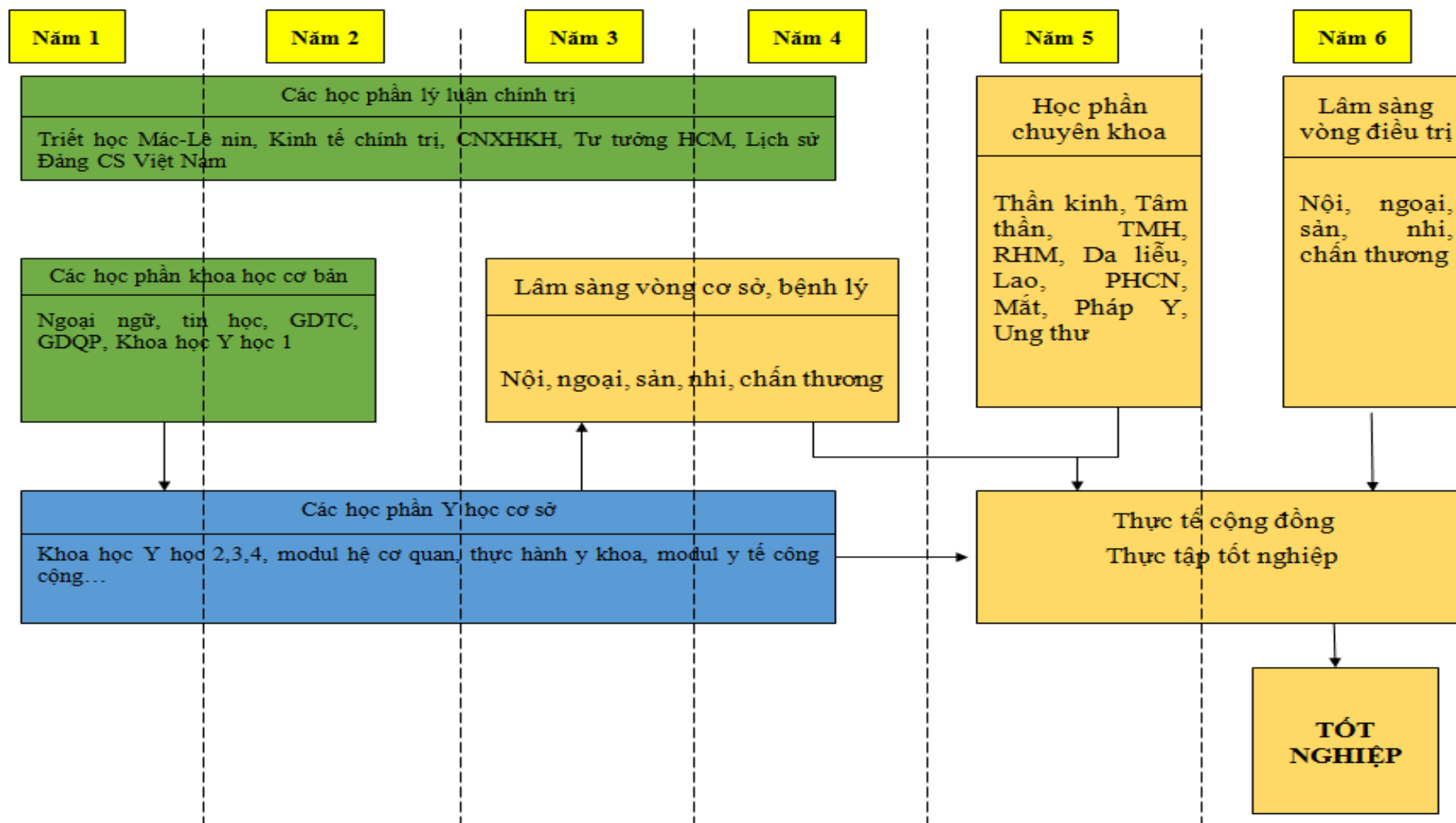
TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Năm
29.	1120MCSKSY0T	Module Hệ Da-Cơ- Xương khớp	3	2	1			2
30.	1120FRLGEN3T	Ngoại ngữ 2: Tiếng Anh đại cương 2	3	3	0			2
31.	1120PRTMED1P	Module Thực hành Y khoa 1 - POM 1	2.5	2	0.5			2
32.	1120PRTMED2P	Module Thực hành Y khoa 2 - POM 2	3.5	3.5	0			2
33.	1120NERVSY0T	Module Hệ Thần kinh	3	2.5	0.5			3
34.	1120ENMESY0T	Module Hệ Nội tiết- Chuyển hoá	3.5	3	0.5			3
35.	1120GNRPSY0T	Module Hệ Sinh dục- Sinh sản	3.5	3	0.5			3
36.	1120PRTMED3P	Module Thực hành Y khoa 3 - POM 3	3	0	3			3
37.	1120ENVHLT0T	Module YTCC2: Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp	2	2	0			3
38.	1120NUTSFE0T	Module YTCC3: Dinh dưỡng- An toàn thực phẩm	1.5	1	0.5			3
39.	1120ESRMTH0T	Module YTCC4: Dịch tễ- Phương pháp nghiên cứu KH	3.5	3	0.5			3
III. Khối kiến thức chuyên ngành (95.5 tín chỉ bắt buộc)								
40.	1120NERVSY0T	Module Hệ Thần kinh	3	2.5	0.5			3
41.	1120ENMESY0T	Module Hệ Nội tiết- Chuyển hoá	3.5	3	0.5			3
42.	1120GNRPSY0T	Module Hệ Sinh dục- Sinh sản	3.5	3	0.5			3

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Năm
43.	1120PRTMED3P	Module Thực hành Y khoa 3 - POM 3	3	0	3			3
44.	1120ENVHLT0T	Module YTCC2: Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp	2	2	0			3
45.	1120NUTSFE0T	Module YTCC3: Dinh dưỡng- An toàn thực phẩm	1.5	1	0.5			3
46.	1120ESRMTH0T	Module YTCC4: Dịch tễ- Phương pháp nghiên cứu KH	3.5	3	0.5			3
47.	1130INTMED1B	Module Thực hành Y khoa Nội khoa	7	3	4			3
48.	1130SGEPRT1B	Module Thực hành Y khoa Ngoại khoa	4	2	2			3
49.	1130ORMAED0T	Module YTCC1: Tổ chức, quản lý y tế- GDSK	3	3	0			3
50.	1130INTMED2B	Nội khoa 1	8	4	4			4
51.	1130SURGER2B	Ngoại khoa 1	4.5	2	2.5			4
52.	1130TRAUMA1B	Chấn thương 1	2.5	1	1.5			4
53.	1130OBSGYN1B	Sản Phụ khoa 1	7	3	4			4
54.	1130PEDIAT1B	Nhi khoa 1	7	3	4			4
55.	1130FMLMED1T	Y học gia đình 1	2	1	1			4
56.	1130TRAMED0B	Y học cổ truyền	6	3	3			5
57.	1130INFEC0B	Truyền nhiễm	5.5	2.5	3			5
58.	1130FMLMED0T	Y học gia đình 2 (Dinh dưỡng điều trị)	2	1	1			5

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Năm
59.	1130FRSMED0T	Pháp y	2	2	0			5
60.	1130OTORHI0B	Tai mũi họng	2	1	1			5
61.	1130NEUROL0B	Thần kinh	2	1	1			5
62.	1130PSYCHI0B	Tâm thần	2	1	1			5
63.	1130OPHTHA0B	Mắt	2	1	1			5
64.	1130CANCER0B	Ung bướu	2	1	1			5
65.	1130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng	2	0	2			5
66.	1130INTMED3B	Nội khoa 2	7	3	4			6
67.	1130SURGER3B	Ngoại khoa 2	3.5	1	2.5			6
68.	1130TRAUMA2B	Chấn thương 2	2.5	1	1.5			6
69.	1130OBSGYN2B	Sản phụ khoa 2	5	2	3			6
70.	1130PEDIAT2B	Nhi khoa 2	5	2	3			6
Khối kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong mỗi nhóm - tự chọn 09 tín chỉ)								
71.	1131DERMAT0B	Da liễu	2	1	1		Nhóm tự chọn 1	5
72.	1131REHABL0B	Phục hồi chức năng	2	1	1			5
73.	1131PHTHIS0B	Lao	2	1	1		Nhóm tự chọn 1	5
74.	1131ODONTO0B	Răng Hàm Mặt	2	1	1			5
75.	1131INTPED0B	Hệ Nội-Nhi	5	0	5		Nhóm tự chọn 2	6
76.	1131SUROBS0B	Hệ Ngoại- Sân	5	0	5		Nhóm tự chọn 2	6
IV. Tốt nghiệp								
78.	6130GRDEXM0B	Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp	10	6	4			6

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Dựa vào cấu trúc chương trình để vẽ tiến trình dạy - học của các học phần thuộc chương trình đào tạo.



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Mức độ đóng góp của các học phần vào mục tiêu chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng sau:

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1110MEDSCI1T	Khoa học Y học 1	x		x									x					
9110MLPHIL0T	Triết học Mác-Lênin	x			x											x	x	
1110FRLGEN1T	Ngoại ngữ 1: Tiếng Anh đại cương 1	x		x								x	x					
9110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1	x												x	x			
9110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2	x												x	x			
9110PHYSED1T	Giáo dục an ninh quốc phòng 1				x									x	x	x	x	
9110MLTEDU2T	Giáo dục an ninh quốc phòng 2				x									x	x	x	x	
9110MLTEDU3T	Giáo dục an ninh quốc phòng 3				x									x	x	x	x	
9110MLTEDU4T	Giáo dục an ninh quốc phòng 4				x									x	x	x	x	
1110INFORM0T	Tin học			x						x		x	x					
9110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị	x			x											x	x	
9110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x											x	x	
9110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3	x												x	x			
1110FRLGEN3T	Ngoại ngữ 3: Tiếng Anh chuyên ngành 1	x	x	x								x	x					
9110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x											x	x	

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1110FRLGEN4T	Ngoại ngữ 4: Tiếng Anh chuyên ngành 2	x	x	x								x	x					
9110HSTPRT0T	Lịch sử Đảng	x			x											x	x	
1110AHEINS0T	Nhà nước Pháp luật	x			x											x	x	
1120MEDSCI2T	Khoa học Y học 2	x	x	x					x			x	x					
1120MEDSCI3T	Khoa học Y học 3	x	x	x					x			x	x					
1120MEDSCI4T	Khoa học Y học 4	x	x	x					x			x	x					
1120IRHSYS1T	Module Hệ Miễn dịch-Đề kháng-Ký chủ 1	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120IRHSYS2T	Module Hệ Miễn dịch-Đề kháng-Ký chủ 2	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120HEMSYS0T	Module Hệ Huyết học	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120CARDSY0T	Module Hệ Tim mạch	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120RESPSY0T	Module Hệ Hô hấp	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120DIGESY0T	Module Hệ Tiêu hóa	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120URINSY0T	Module Hệ Tiết niệu	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120MCSKSY0T	Module Hệ Da-Co-Xương khớp	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120FRLGEN3T	Ngoại ngữ 2: Tiếng Anh đại cương 2	x		x								x	x					
1120PRTMED1P	Module Thực hành Y khoa 1 - POM 1	x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1120PRTMED2P	Module Thực hành Y khoa 2 - POM 2	x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		
1120NERVSY0T	Module Hệ Thần kinh	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120ENMESY0T	Module Hệ Nội tiết-Chuyển hoá	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120GNRPSY0T	Module Hệ Sinh dục-Sinh sản	x	x	x		x	x		x	x		x	x					
1120PRTMED3P	Module Thực hành Y khoa 3 - POM 3	x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		
1120ENVHLT0T	Module YTCC2: Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp		x	x	x			x	x	x	x	x		x		x		
1120NUTSFE0T	Module YTCC3: Dinh dưỡng-An toàn thực phẩm		x	x	x			x	x	x	x	x		x		x		
1120ESRMTH0T	Module YTCC4: Dịch tễ-Phương pháp nghiên cứu KH		x	x	x			x	x	x	x	x		x		x		
1130INTMED1B	Module Thực hành Y khoa Nội khoa		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	
1130SGEPRT1B	Module Thực hành Y khoa Ngoại khoa		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	
1130ORMAED0T	Module YTCC1: Tổ chức, quản lý y tế- GDSK		x	x	x			x	x	x	x	x		x		x		
1130INTMED2B	Nội khoa 1		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	
1130SURGER2B	Ngoại khoa 1		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	
1130TRAUMA1B	Chấn thương 1		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	
1130OBSGYN1B	Sản Phụ khoa 1		x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1130PEDIAT1B	Nhi khoa 1		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130FMLMED1T	Y học gia đình 1	X	X		X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	
1130TRAMED0B	Y học cổ truyền		X		X			X		X	X			X		X	X	
1130INFEC0B	Truyền nhiễm		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130FMLMED0T	Y học gia đình 2 (Dinh dưỡng điều trị)		X	X	X			X	X	X	X	X		X		X		
1130FRSMED0T	Pháp y		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130OTORHI0B	Tai mũi họng		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130NEUROL0B	Thần kinh		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130PSYCHI0B	Tâm thần		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130OPHTHA0B	Mắt		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130CANCER0B	Ung bướu		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
1130INTMED3B	Nội khoa 2		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130SURGER3B	Ngoại khoa 2		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130TRAUMA2B	Chấn thương 2		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130OBSGYN2B	Sản phụ khoa 2		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1130PEDIAT2B	Nhi khoa 2		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1131DERMAT0B	Da liễu		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1131REHABL0B	Phục hồi chức năng		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1131PHTHIS0B	Lao		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1131ODONTO0B	Răng Hàm Mặt		X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
1131INTPED0B	Hệ Nội-Nhi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
1131SUROBS0B	Hệ Ngoại-Sản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
1131GRDEXM0B	Học phần thay thế TN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

- Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng sau:

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1110MEDSCI1T	Khoa học Y học 1	S	S	S																	
9110MLPHIL0T	Triết học Mác-Lênin	H													S		H		S	S	S
1110FRLGEN1T	Ngoại ngữ 1: Tiếng Anh đại cương 1	S	H	S		S															S
9110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1			S					S												S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2			S					S												S
9110PHYSED1T	Giáo dục an ninh quốc phòng 1	S		S													S				
9110MLTEDU2T	Giáo dục an ninh quốc phòng 2	S		S													S				
9110MLTEDU3T	Giáo dục an ninh quốc phòng 3	S		S													S				
9110MLTEDU4T	Giáo dục an ninh quốc phòng 4	S		S													S				
1110INFORM0T	Tin học		H		S						S										
9110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị	H													S		H		S	S	S
9110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H													S		H		S	S	S
9110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3			S					S												S
1110FRLGEN3T	Ngoại ngữ 3: Tiếng Anh chuyên ngành 1	S	H	S		H					S							S			S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H													S		H		S	S	S
1110FRLGEN4T	Ngoại ngữ 4: Tiếng Anh chuyên ngành 2	S	H	S		H					S							S			S
9110HSTPRT0T	Lịch sử Đảng	H													S		H		S	S	S
1110AHEINS0T	Nhà nước Pháp luật	H													S		H		S	S	S
1120MEDSCI2T	Khoa học Y học 2	S		H	S	S	S	S													
1120MEDSCI3T	Khoa học Y học 3	S		H	S	S	S	S													
1120MEDSCI4T	Khoa học Y học 4	S		H	S	S	S	S													
1120IRHSYS1T	Module Hệ Miễn dịch-Đề kháng-Ký chủ 1	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120IRHSYS2T	Module Hệ Miễn dịch-Đề kháng-Ký chủ 2	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120HEMSYS0T	Module Hệ Huyết học	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120CARDSY0T	Module Hệ Tim mạch	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1120RESPSY0T	Module Hệ Hô hấp	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120DIGESY0T	Module Hệ Tiêu hóa	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120URINSY0T	Module Hệ Tiết niệu	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120MCSKSY0T	Module Hệ Da-Cơ-Xương khớp	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120FRLGEN3T	Ngoại ngữ 2: Tiếng Anh đại cương 2	S	H	S		S															S
1120PRTMED1P	Module Thực hành Y khoa 1 - POM 1	H	H	S	S		S	S			S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1120PRTMED2P	Module Thực hành Y khoa 2 - POM 2	H	H	S	S		S	S			S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1120NERVSY0T	Module Hệ Thần kinh	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120ENMESY0T	Module Hệ Nội tiết-Chuyển hoá	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S
1120GNRPSY0T	Module Hệ Sinh dục-Sinh sản	S		H	S	S	S				S	S		S		S	S	S	S	S	S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1120PRTMED3P	Module Thực hành Y khoa 3 - POM 3	H	H	S	S		S	S			S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1120ENVHLT0T	Module YTCC2: Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp	S	S	H	S						S			S			S	S	S	S	S
1120NUTSFE0T	Module YTCC3: Dinh dưỡng-An toàn thực phẩm	S	S	H	S						S			S			S	S	S	S	S
1120ESRMTH0T	Module YTCC4: Dịch tễ-Phương pháp nghiên cứu KH	S	S	H	S						S			S			S	S	S	S	S
1130INTMED1B	Module Thực hành Y khoa Nội khoa	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130SGEPRT1B	Module Thực hành Y khoa Ngoại khoa	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130ORMAED0T	Module YTCC1: Tổ chức, quản lý y tế-GDSK	S	S	H	S						S			S			S	S	S	S	S
1130INTMED2B	Nội khoa 1	S	S	H	S	H	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	H

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1130SURGER2B	Ngoại khoa 1	S	S	H	S	H	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	H
1130TRAUMA1B	Chấn thương 1	S	S	H	S	H	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	H
1130OBSGYN1B	Sản Phụ khoa 1	S	S	H	S	H	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	H
1130PEDIAT1B	Nhi khoa 1	S	S	H	S	H	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	H
1130FMLMED1T	Y học gia đình 1	S		H	S				S			S		H			H	S	H	H	H
1130TRAMED0B	Y học cổ truyền	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130INFEC0B	Truyền nhiễm	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130FMLMED0T	Y học gia đình 2 (Dinh dưỡng điều trị)	S	S	H	S						S			S			S	S	S	S	S
1130FRSMED0T	Pháp y	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130OTORHI0B	Tai mũi họng	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130NEUROL0B	Thần kinh	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130PSYCHI0B	Tâm thần	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1130OPHTHA0B	Mắt	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130CANCER0B	Ung bướu	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1130INTMED3B	Nội khoa 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1130SURGER3B	Ngoại khoa 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1130TRAUMA2B	Chấn thương 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1130OBSGYN2B	Sản phụ khoa 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1130PEDIAT2B	Nhi khoa 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1131DERMAT0B	Da liễu	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1131REHABL0B	Phục hồi chức năng	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1131PHTHIS0B	Lao	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1131ODONTO0B	Răng Hàm Mặt	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
1131INTPED0B	Hệ Nội-Nhi	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1131SUROBS0B	Hệ Ngoại-Sản	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
1131GRDEXM0B	Học phần thay thế TN	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: S (Support): hỗ trợ; H (Highly support) = Hỗ trợ mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Thuyết trình, phát vấn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X
Đóng vai	X			X	X	X			X				X	X	X	X	X	X	X	X
Case, nghiên cứu tình huống	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
biên bệnh án	X	X		X	X	X	X			X	X	X		X		X	X	X	X	X
Học tập trải nghiệm (lab)	X	X		X	X		X			X	X			X		X		X	X	X
Học tập tại cộng đồng	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
Điểm Chuyên cần	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của sinh viên	10%	
Điểm kiểm tra GHP	Điểm trung bình cộng các bài thực hành, hoặc đối với học phần chỉ có nội dung lý thuyết, thực hành hoặc lâm sàng sau khi học hoàn thành được 2/3 nội dung học phần	20%	Học phần không lấy điểm thực hành
		10%	Học phần có lấy điểm thực hành
Điểm thực hành	Kết quả bài kiểm tra thực hành cuối kỳ, trước khi thi kết thúc học phần	20%	Đối với học phần lâm sàng chuyên khoa lẻ; học phần cơ bản, cơ sở có lấy điểm thực hành
		40%	Đối với học phần chuyên ngành có điểm thực hành
Thi KTHP	Đủ điều kiện thi KTHP, học hết toàn bộ chương trình.	70%	Đối với học phần không lấy điểm thực hành
		40%	Đối với học phần Đối với học phần chuyên ngành có điểm thực hành

		60%	Đối với học phần lâm sàng chuyên khoa lẻ; học phần cơ bản, cơ sở có lấy điểm thực hành
--	--	-----	--

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
MCQ (GHP, KTHP)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x
Tự luận (GHP, KTHP)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
Bài tập tình huống (GHP, ĐTH, KTHP)	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x
Báo cáo chuyên đề (GHP, ĐTH, KTHP)	x	x	x								x	x	x			x				x
Chi tiêu thực hành, Lâm sàng (ĐTH, KTHP)					x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x		x
Thi tốt nghiệp	x	x		x	x					x	x	x	x			x				x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo.

1.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Đại học Y Dược- Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh
Kiến thức		
- Vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp - Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng trong thực hành chăm sóc sức khỏe, tăng cường và phòng ngừa bệnh tật cho cá nhân, gia đình và cộng đồng - Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động khám chữa bệnh.	- Vận dụng được kiến thức về kinh tế-xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân - Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. - Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.	- Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe - Vận dụng y học chứng trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Vận dụng kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cá nhân và cộng đồng
Kỹ năng		
- Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được các bệnh thông thường - Phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp - Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. - Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị - Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành	- Chẩn đoán, điều trị, xử trí theo dõi và dự phòng được các bệnh thông thường. - Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường - Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời. - Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường. - Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản. - Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. - Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	- Khám, tổng hợp, diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh phổ biến - Thiết lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm - Sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ y khoa, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả - Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp - Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

chuyên người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm - Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị. - Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả về việc ra quyết định điều trị, giải thích lợi ích, nguy cơ của những can thiệp y khoa trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh - Thông báo cho bệnh nhân và thân nhân tình trạng của người bệnh, chuẩn bị tâm lý cho bệnh nhân và gia đình trước khi cung cấp những thông tin xấu của người bệnh - Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn. Áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh - Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc chăm sóc người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm - Có khả năng xử lý kịp thời áp lực về tinh thần, thời gian, công việc khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Thực hiện được các kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và bảo vệ môi trường. - Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả. - Phát hiện và xử trí được các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh. - Xác nhận được tình trạng tử vong và thông báo cho người nhà - Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng. - Sử dụng được y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường. - Tạo lập được mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và cộng đồng. - Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương. - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2014-TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn an toàn và hiệu quả.
Thái độ		
		- Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
- Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử	- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Tôn trọng, cảm thông và chia sẻ	

và hoạt động nghề nghiệp - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp - Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình. - Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	với người bệnh và gia đình người bệnh. - Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp. - Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp. - Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi ứng xử và hoạt động nghề nghiệp. - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời.	
--	--	--

1.2. Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo

Mô tả	Trường Đại học Y Dược Thái Bình		Đại học Y Dược- Đại học Thái Nguyên		Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
Kiến thức cơ bản	44	19.69	46	24.21	23	10.95
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	65	29.08	58	30.53	66	31.43
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	95.5	42.73	82	43.16	109	51.90
Kiến thức chuyên ngành tự chọn	9	4.03	4	2.01	8	3.81
Tốt nghiệp	10				4	1.91
Tổng	223.5		190		210	

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện
---------	------------------	-----------------------------

liên quan		CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Định hướng giảng dạy những năm đầu theo mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản đáp ứng mục tiêu PEO1, PEO2. Bổ sung một số học phần tự chọn cho phù hợp với tình hình thực tế.	- Điều chỉnh nội dung các học phần lý luận chính trị - Cập nhật mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra - Điều chỉnh nội dung học tập, phương pháp đánh giá và trọng số tính điểm thành phần của các học phần, nhằm tăng cường năng lực thực hành kỹ năng. - Điều chỉnh thời lượng một số học phần: Modul 1, Dinh dưỡng, Dịch tễ
Cựu sinh viên	Đa phần các ý kiến đồng ý về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên). Bổ sung một số học phần tự chọn	
Nhà tuyển dụng	Tăng cường năng lực sử dụng CNTT và ngoại ngữ Phân tích số liệu và phần mềm thống kê	
Giảng viên	Đa phần các ý kiến đồng ý về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	
Sinh viên	Đa phần các ý kiến nhất trí về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần/Module thuộc chương trình đào tạo

1. Khoa học Y học 1 (Module 1) (8 tín chỉ)

Mã học phần: 1110MEDSCI1T

Đơn vị giảng dạy: Hóa sinh, Sinh học, Y Vật lý, Hóa học

Sau khi hoàn thành Module 1, sinh viên có khả năng:

- Vận dụng kiến thức về nguồn gốc, cấu tạo, tính chất (đơn chất, hợp chất) của kim loại, phi kim để giải thích được vai trò, chức năng sinh học và ứng dụng của các nguyên tố đa lượng, vi lượng, độc tính của đơn chất và hợp chất vô cơ đối với cơ thể sinh vật.
- Vận dụng được tính chất, quá trình hòa tan tạo thành dung dịch để giải thích được các loại dung dịch, vai trò của áp suất thẩm thấu, pH của các hệ đệm trong cơ thể sống.
- Tìm hiểu tính chất, vai trò ứng dụng, độc tính và sự chuyển hóa trong cơ thể của một số dẫn xuất của hidrocarbon (ancol, phenol, andehit, acid carboxylic, este, amine, photpho hữu cơ, clo hữu cơ và hợp chất dị vòng).
- Phân biệt được các loại hợp chất lipid, glucid, protein về cấu tạo và vai trò chức năng của chúng trong cơ thể.
- Vận dụng kiến thức về nguồn gốc, tính chất, cơ chế hình thành, phát sinh của gốc tự do, chất chống oxy hóa để giải thích được vai trò, chức năng, tác động đối với cơ thể của gốc tự do và chất chống oxy hóa.

- Áp dụng các nguyên lý của nhiệt động học để xác định được chiều hướng của các quá trình nhiệt động xảy ra trên cơ thể sống, sự sinh công trong quá trình co cơ và hoạt động co bóp của tim.
- Vận dụng kiến thức về cơ học để giải thích quá trình vận chuyển máu trong hệ tuần hoàn, quá trình lan truyền và tác động của sóng âm, siêu âm trong cơ thể và ứng dụng trong y học.
- Vận dụng kiến thức về điện học để giải thích được các hiện tượng điện sinh vật, tác dụng của dòng điện lên cơ thể sống và ứng dụng trong y học.
- Vận dụng các quy luật về sự tương tác của ánh sáng với cơ thể sống giải thích được: Các tật khúc xạ của mắt, tác dụng của tia hồng ngoại, tia tử ngoại, laser và các hiệu ứng sinh học của ánh sáng lên cơ thể người.
- Vận dụng kiến thức về bức xạ ion hoá để giải thích tác dụng của bức xạ ion hoá lên cơ thể người và ứng dụng trong y học.
- Vận dụng kiến thức về sinh học phân tử để giải thích được: cơ chế phân tử của hiện tượng di truyền; mối liên quan giữa các cơ chế phân tử trong hoạt động sống; nguyên tắc của một số kỹ thuật sinh học phân tử và ý nghĩa của việc áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong y học.
- Vận dụng kiến thức về sinh học tế bào để giải thích được: các cơ chế hoạt động cơ bản của tế bào ở điều kiện bình thường; mối liên quan giữa các cơ chế đó trong hoạt động sống và cơ chế phát sinh một số rối loạn liên quan đến di truyền tế bào.
- Vận dụng kiến thức về sinh học phân tử và sinh học tế bào để giải thích được: cơ sở hoạt động của hệ gen, bộ nhiễm sắc thể người, tính qui luật của di truyền người.
- Vận dụng được kiến thức về sinh học phân tử và tế bào để giải thích được: cơ chế phát sinh và cơ chế di truyền của một số bệnh tật di truyền liên quan đến hệ gen, bộ nhiễm sắc thể người; cơ sở của các nguyên tắc cơ bản trong điều trị, phòng bệnh di truyền.
- Vận dụng kiến thức về cấu tạo, tính chất, chức năng của các chất (hemoglobin, hormon, vitamin và enzym) để giải thích được một số triệu chứng của các bệnh thường gặp (đái tháo đường tụy, basedow, thiếu vitamin, tan máu, viêm gan cấp, sỏi mật, beri – beri, ngộ độc CO, CN- và kim loại nặng).
- Vận dụng kiến thức về chuyển hóa các chất trong cơ thể để giải thích được sự thay đổi các chỉ số hóa sinh trong rối loạn chuyển hoá chất và 1 số bệnh thường gặp (đái tháo đường tụy, rối loạn thoái hóa glycogen, vữa xơ động mạch, suy gan, viêm gan, sỏi mật, tan huyết, gout).

Công thức tính điểm

Điểm KTHP = 10% x CC + 20% x GHP + 70% x CHP

2. Khoa học Y học 2 (Module 2)

2 tín chỉ

Mã học phần: 1120MEDSCI2T

Đơn vị giảng dạy: Vi sinh, Ký sinh trùng

Sau khi hoàn thành Module 2, sinh viên có khả năng:

- Vận dụng kiến thức vi sinh, ký sinh trùng để giải thích được vai trò và khả năng gây bệnh của vi khuẩn, virus và ký sinh trùng; căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm trùng bệnh viện; cơ chế thay đổi di truyền ở vi khuẩn; nguyên lý và kết quả phản ứng miễn dịch trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng.

- Vận dụng kiến thức của vi sinh và ký sinh trùng để giải thích được cơ chế miễn dịch chống nhiễm trùng; nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccine, huyết thanh miễn dịch; cơ chế tác động của kháng sinh thuốc kháng virus, thuốc diệt ký sinh trùng; cơ chế tiêu diệt vi sinh vật của các phương pháp tiệt trùng và khử trùng.

Công thức tính điểm:

Điểm KTHP = 10% x CC + 20% x GHP + 70% x CHP

3. Khoa học Y học 3 (Module 3)

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120MEDSCI3T

Đơn vị giảng dạy: Sinh lý học, Sinh lý bệnh, Dược lý

Sau khi học xong Module 3, sinh viên có khả năng:

- Giải thích các quy luật cơ bản nhằm ổn định hằng tính nội môi (chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng chung của các tế bào và hệ thống cơ quan trong cơ thể).
- Vận dụng kiến thức để giải thích những biểu hiện bình thường và rối loạn chức năng ở mức độ tế bào của một số cơ quan: tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh.
- Vận dụng được các kiến thức của sinh lý bệnh đại cương để giải thích mối quan hệ giữa nguyên nhân, điều kiện gây bệnh và quá trình bệnh sinh trong quá trình bệnh lý.
- Vận dụng được các kiến thức sinh lý học và sinh lý bệnh đại cương để giải thích được cơ chế bệnh sinh quá trình viêm, rối loạn điều nhiệt và rối loạn chuyển hóa glucid, protid, muối nước, thăng bằng acid-base.
- Giải thích được các khái niệm cơ bản và ý nghĩa của các nội dung nghiên cứu trong dược lý học liên quan đến dùng thuốc.
- Phân tích được đặc điểm của 4 quá trình dược động học và áp dụng tương ứng trong điều trị.
- Vận dụng được ý nghĩa của các thông số dược động học cơ bản trong sử dụng thuốc.
- Giải thích được cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và áp dụng được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc trong điều trị.

- Áp dụng được những kiến thức về phản ứng có hại của thuốc (Adverse Drugs Reaction – ADR) trong lâm sàng.
- Phân tích được các kiểu tương tác thuốc và áp dụng tương ứng trong điều trị.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

4. Khoa học Y học 4 (Module 4)

4,5 tín chỉ

Mã học phần: 1120MEDSCI4T

Đơn vị giảng dạy: Giải phẫu học, Giải phẫu bệnh, Mô phôi

Sau khi học xong Module 4, sinh viên có khả năng:

- Vận dụng kiến thức về 4 loại mô để giải thích được vai trò của chúng trong cơ thể.
- Áp dụng kiến thức đại cương về sự phát triển của phôi thai người để giải thích được cơ chế phát sinh một số bất thường liên quan đến phôi thai.
- Dựa vào kiến thức giải phẫu để giải thích các cử động ở chi, đầu mặt, thân mình và nguyên tắc định danh các chi tiết giải phẫu theo danh pháp quốc tế.
- Vận dụng kiến thức về cấu trúc các hệ cơ quan trong cơ thể, giải thích một số tổn thương hay gặp trong mỗi hệ thống qua mô hình, thi hài và trên cơ thể sống.
- Dựa vào cấu trúc của mắt và tai, giải thích một số bệnh lý hay gặp trên lâm sàng (bệnh tăng nhãn áp, tật khúc xạ, lác và giảm thị lực).

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

5. Triết học Mác-Lênin

3 tín chỉ

Mã học phần: 7110MLPHILOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Nội dung môn học trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; Phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; Giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; Triết học về con người..

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

6. Ngoại ngữ 1

3 tín

chỉ

Mã học phần: 1110FRLGEN1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

7. Giáo dục thể chất 1

1 tín

chỉ

Mã học phần: 7110PHYSED1P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất 1 nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển, khái niệm, vị trí, tác dụng và đặc điểm về các môn điền kinh. Cách phân loại môn điền kinh. Giới thiệu những kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, kỹ năng thực hành các môn điền kinh: chạy (chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình), nhảy cao kiểu “Úp bụng” và hình thức tổ chức thi đấu và trọng tài của từng môn.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

8. Giáo dục thể chất 2

1 tín

chỉ

Mã học phần: 9110PHYSED2P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất 2 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật bóng chuyền vào trong tập luyện và thi đấu. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản sau: Lịch sử hình thành và phát triển môn học; ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ chiến thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cũng như các bài tập bổ trợ kỹ thuật và thể lực thi đấu môn Bóng chuyền.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

9. Quốc phòng an ninh 1

3 tín chỉ

Mã học phần: 7110PHYSED1T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Quân sự

Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh 1 có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội.

10. Quốc phòng an ninh 2

2 tín chỉ

Mã học phần: 7110MLTEDU2T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Quân sự

Sau khi hoàn thành môn học quốc phòng an ninh 2, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới theo quy định tại Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh trình độ đại học và cao đẳng

11. Quốc phòng an ninh 3

2 tín chỉ

Mã học phần: 7110MLTEDU3T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Quân sự

Sau khi hoàn thành môn học quốc phòng an ninh 3, sinh viên thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

12. Quốc phòng an ninh 4

4 tín chỉ

Mã học phần: 7110MLTEDU4T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Quân sự

Sau khi hoàn thành môn học quốc phòng an ninh 4, sinh viên Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

13. Tin học

3 tín chỉ

Mã học phần: 1110INFORM0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán-Tin

Môn học cung cấp cho sinh viên ba nội dung chính sau:

- Tin học văn phòng: Sinh viên được học chủ yếu dưới dạng thực hành các phần mềm ứng dụng cơ bản bao gồm xử lý văn bản, bảng tính. Phần mềm được chọn dùng cho giảng dạy là bộ Microsoft Office 2010.

- Quản lý số liệu với EpiData Entry: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về quy trình nhập và quản lý số liệu sử dụng phần mềm EpiData Entry, cách mã hóa một phiếu điều tra, kiểm soát quá trình nhập số liệu, nhập và quản lý số liệu nhập.

- Xử lý và phân tích số liệu với Stata: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành để xử lý và phân tích, thống kê số liệu, trình bày số liệu dưới dạng bảng và biểu đồ, kiểm định giả thuyết thống kê.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

1. Miễn dịch đề kháng ký chủ 1

2.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120IRHSYS1T

Đơn vị giảng dạy: Module Miễn dịch đề kháng ký chủ 1

Module hệ miễn dịch - Đề kháng - Ký chủ sẽ cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học của mầm bệnh vi sinh - ký sinh trùng, từ đó hiểu được khả năng gây bệnh của chúng, phân tích được giá trị của các xét nghiệm chẩn đoán xác định mầm bệnh, các nguyên tắc trong phòng bệnh và điều trị.

Module cũng đồng thời cung cấp cho sinh viên có kiến thức về cấu trúc, chức năng và điều hòa hoạt động của hệ thống miễn dịch; Giải thích được các hoạt động bình thường và các biểu hiện bệnh lý của hệ thống miễn dịch và cơ thể; cơ chế tác dụng của các thuốc kháng vi sinh-ký sinh trùng và điều trị một số bệnh lý miễn dịch hay gặp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

2. Miễn dịch đề kháng ký chủ 2

4.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120IRHSYS2T

Đơn vị giảng dạy: Module Miễn dịch đề kháng ký chủ 2

Sinh viên có kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học của mầm bệnh vi sinh-ký sinh trùng; về cấu trúc, chức năng và điều hòa hoạt động của hệ thống miễn dịch, từ đó giải thích được các hậu quả xảy ra khi có rối loạn hoạt động của hệ thống miễn dịch trong đó có hoạt động đề kháng vi kí sinh, liên quan giữa hệ này với các hệ khác và phân tích được giá trị của các xét nghiệm chẩn đoán xác định mầm bệnh và cơ chế tác dụng của các thuốc điều trị các bệnh này.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

3. Module Hệ Huyết học

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120HEMSYS0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Huyết học

Module Huyết học sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các dòng tế bào máu trong cơ thể (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu), các yếu tố và các giai đoạn đông cầm máu, các hệ nhóm máu trong cơ thể. Chúng được sinh ra từ đâu, trưởng thành như thế nào, thực hiện chức năng gì. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được các dấu hiệu gây ra bởi sự rối loạn về các dòng tế bào máu, rối loạn đông cầm máu, sự hòa hợp nhóm máu. Tất cả những kiến thức này sẽ giúp sinh viên hiểu được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý về huyết học trong những năm học tới.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

4. Module Hệ Tim mạch

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120CARDSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Tim mạch

Module hệ tim - mạch (hệ tuần hoàn) sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo giải phẫu đại thể, cấu trúc vi thể của tim và hệ thống mạch máu trong cơ thể, giúp sinh viên hiểu được những chức năng của hệ tim - mạch, sự điều hòa hoạt động của hệ tim - mạch và mối liên quan với các hệ cơ quan khác trong cơ thể đồng thời hiểu được các thay đổi xảy ra trong một số bệnh lý tim - mạch thường gặp.

Module tim - mạch còn giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thăm khám, nhận định, đánh giá hình ảnh học và chức năng của hệ tim - mạch trên lâm sàng; hiểu được cơ chế dược lý học của các thuốc tác động trên tim - mạch và các biện pháp điều trị can thiệp khác trong một số bệnh lý thường gặp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

5. Module Hệ Hô hấp

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120RESPSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Hô hấp

Module Hô hấp cung cấp cho sinh viên năm thứ hai chương trình y khoa các nội dung hiểu biết cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và cấu trúc của hệ hô hấp, các chỉ số bình thường và những thay đổi trong một số bệnh lý hô hấp. Đồng thời giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thăm khám, đánh giá hình ảnh và chức năng của hệ hô hấp trên lâm sàng, hiểu được cơ sở khoa học của các thuốc và các biện pháp điều trị khác trong một số bệnh lý hô hấp. Như vậy, sau khi hoàn thành module này sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản về hệ hô hấp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

6. Module Hệ Tiêu hóa

Mã học phần: 1120DIGESY0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Tiêu hóa

Module Hệ Tiêu hóa cung cấp cho sinh viên năm thứ hai chương trình y khoa các nội dung hiểu biết cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và cấu trúc của hệ tiêu hóa, mối liên quan giữa hệ tiêu hóa với các hệ khác, các chức năng bình thường và những thay đổi trong một số bệnh lý tiêu hóa. Đồng thời giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thăm khám, đánh giá hình ảnh và chức năng của hệ tiêu hóa trên lâm sàng, hiểu được cơ sở khoa học của các thuốc và các biện pháp điều trị khác trong một số bệnh lý tiêu hóa. Như vậy, sau khi hoàn thành module này sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản về hệ tiêu hóa.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

7. Module Hệ Tiết niệu

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120URINSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Tiết niệu

Module hệ Tiết niệu cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo giải phẫu đại thể, cấu trúc vi thể của thận và hệ thống đường lưu giữ, bài xuất nước tiểu ra ngoài. Module này cũng giúp sinh viên hiểu được chức năng, sự hoạt động của thận và hệ thống dẫn niệu để từ đó giải thích được những thay đổi xảy ra khi có những bất thường về cấu trúc, chức năng của hệ Tiết niệu trong một số bệnh lý thường gặp.

Module này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thăm khám, đánh giá hình ảnh học và chức năng của hệ Tiết niệu trên lâm sàng, hiểu được cơ sở khoa học của các thuốc và các biện pháp điều trị khác trong một số bệnh lý hệ Tiết niệu.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

8. Module Hệ Da cơ xương khớp

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120MCSKSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module Hệ Da cơ xương khớp

Module Hệ Da cơ xương khớp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của hệ vận động và da trong cơ thể người, cấu tạo đại thể - vi thể nên tảng để hiểu cá dị tật bẩm sinh và bệnh lý của hệ vận động và da.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

9. Ngoại ngữ 2 – Tiếng Anh đại cương 2

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120FRLGEN3T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Học phần Ngoại ngữ 2 gồm 2 nội dung: 70% thời lượng học phần sinh viên được học tiếng anh cơ bản, 30% học về tiếng Anh chuyên ngành. Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng, đồng thời tiếp cận chuyên ngành, chuẩn bị cho học phần 3 đi sâu vào các hệ cơ quan trong cơ thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

10. Module Thực hành Y khoa 1- POM 1

2.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120PRTMED1P

Đơn vị giảng dạy: Module Thực hành Y khoa

Module Thực hành Y khoa 1 - POM 1 giúp sinh viên nhận thức được đời sống tinh thần phong phú, đa dạng nhưng vô cùng phức tạp của con người. Trên nền tảng đó, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn tâm lý của thầy thuốc, tâm lý người bệnh và có khả năng ứng dụng trong chăm sóc sức khỏe con người, sức khỏe cộng đồng. Quá trình thăm khám và điều

trị đạt hiệu quả hơn khi thầy thuốc vững chuyên môn nghiệp vụ và hiểu tâm lý người bệnh.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

11. Module Thực hành Y khoa 2 - POM 2

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120PRTMED2P

Đơn vị giảng dạy: Module Thực hành Y khoa

Module Thực hành Y khoa 2 - POM 2 cung cấp cho người học kiến thức lý luận chung về các kỹ thuật điều dưỡng, các thủ thuật và kỹ năng thăm khám cơ bản trong thực hành y khoa. Module này giúp sinh viên được tiếp cận với những tình huống giao tiếp, những kỹ năng thăm khám và thủ thuật điều dưỡng cơ bản, được thực hành trên mô hình, dụng cụ và người bệnh giả thông qua các phương pháp: đóng vai, case study, bảng kiểm, video... qua đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, thái độ và kỹ năng y khoa cơ bản để tự tin hơn khi thực hành tại cộng đồng và bệnh viện.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

12. Module hệ thần kinh

3 tín chỉ

Mã học phần: 1120NERVSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module hệ Thần kinh

Sau khi học xong module TK, sinh viên có kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng hệ thần kinh bình thường, liên quan hệ thần kinh với các hệ khác, từ đó giải thích được các biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh về hệ thần kinh thường gặp, đồng thời phân tích được đặc điểm tác dụng của các thuốc trên hệ TK.

- Giải thích nguyên lý hoạt động của neuron dựa vào chức năng và cấu trúc.
- Giải thích một số triệu chứng của các bệnh thần kinh thường gặp (nhồi máu não, viêm đa rễ dây thần kinh) dựa vào cung phản xạ.
- Vận dụng kiến thức về cấu trúc và chức năng của các màng, dịch não – tủy để giải thích một số triệu chứng trong bệnh lý màng não. (Viêm màng não, HC tăng áp lực nội sọ)
- Giải thích một số triệu chứng của các bệnh thần kinh tự chủ thường gặp (cường phế vị, cường giao cảm) dựa vào cấu trúc và chức năng của hệ thần kinh tự chủ.
- Phân tích cơ chế tác dụng, đặc điểm dược lý học cơ bản của thuốc tác dụng trên hệ thần kinh.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

13. Module hệ sinh dục sinh sản

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120GNRPSY0T

Đơn vị giảng dạy: Module hệ sinh dục sinh sản

Module sinh dục - sinh sản cung cấp cho sinh viên năm thứ ba các kiến thức cơ bản về sự phát triển của các giao tử người, hiểu biết về tương tác giữa chúng cũng như tiến trình làm tổ của phôi và phương thức chuẩn bị môi trường làm tổ của trứng đã thụ tinh. Giải thích được cơ chế các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thường gặp; phân tích cơ chế tác dụng của nhóm thuốc điều trị bệnh lý hệ sinh dục. Như vậy, sau khi hoàn thành module này, sinh viên sẽ có được trang bị tối thiểu cho việc tự học sau này và đủ năng lực để vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các ứng dụng trong lĩnh vực sản phụ khoa, ở những năm học sau..

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

14. Module hệ nội tiết

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120ENMESY0T

Đơn vị giảng dạy: Module hệ nội tiết

Module nội tiết sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, cấu trúc giải phẫu đại thể và vi thể của hệ nội tiết, giúp sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của hormon tại tế bào đích, cơ chế điều hòa bài tiết hormon; Giúp sinh viên hiểu được các tuyến nội tiết chính trong cơ thể và các hormon địa phương có chức năng gì, hoạt động như thế nào để đảm bảo vai trò là 1 trong hai hệ thống điều hòa lớn nhất của toàn cơ thể, hiểu được sự thay đổi xảy ra trong một số bệnh lý thường gặp.

Module này đồng thời giúp sinh viên áp dụng kiến thức để giải thích các biểu hiện trên lâm sàng, cận lâm sàng dựa vào tác dụng của hormone, đánh giá hình ảnh giải phẫu bệnh của hệ nội tiết trên lâm sàng, hiểu được cơ sở khoa học của các thuốc trong điều trị một số bệnh nội tiết thường gặp.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

15. Module YTCC 4 (Dịch tễ - XSTK-PPNCKH)

3.5 tín chỉ

Mã học phần: 1120ESRMTH0T

Đơn vị giảng dạy: Module YTCC 4

Module Dịch tễ - Xác suất thống kê sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dịch tễ học và xác suất thống kê từ đó áp dụng trong thực hành y khoa

(Chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và phân tích kết quả CLS, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà).

Module này cũng sẽ giúp sinh viên ứng dụng các nguyên tắc dự phòng (cấp 1, 2, 3) ở cấp độ cá nhân trong thực hành y khoa (Điều trị, chăm sóc và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà).

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

16. Module thực hành y khoa – Nội khoa

7.0 tín chỉ

Mã học phần: 1130INTMED1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nội

Khóa học này là nền tảng để sinh viên bắt đầu kết nối các kiến thức của các khóa học tiền lâm sàng, áp dụng các kỹ năng học được từ khóa học thực hành y khoa 1 và thực hành y khoa 2 để tiếp cận các bệnh nhân nội khoa. Khóa học này sẽ giúp sinh viên có sự chuẩn bị tốt nhất để học được hiệu quả trong các vòng luân khoa lâm sàng ở những năm tiếp theo.

Để đạt được các năng lực cần có khi ra trường theo chuẩn đầu ra của nhà trường, khóa học này sẽ bắt đầu hướng dẫn sinh viên đạt được các mốc đầu tiên của các hoạt động chuyên môn chủ chốt của một người bác sĩ (các EPA), trong khóa học này sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức và kỹ năng có được từ các khóa học tiền lâm sàng và thực hành y khoa 1 và thực hành y khoa 2 vào công việc chăm sóc bệnh nhân nhằm giúp làm quen và bắt nhịp với công việc của một bác sĩ nội khoa.

Khóa học này giúp sinh viên bắt đầu nhận thức và tìm cách hoàn thiện mình với mục tiêu trở thành người bác sĩ tận tâm, có tri thức và chuyên nghiệp. Khi kết thúc vòng luân khoa, sinh viên sẽ có khả năng vận dụng kỹ năng khai thác bệnh sử, thăm khám lâm sàng một cách có hệ thống và logic để tiếp cận các triệu chứng, tình huống cơ bản ở bệnh nhân nội khoa để đi đến các chẩn đoán tiềm năng. Trong khóa học này, sinh viên cũng có cơ hội thực hành các thủ thuật/kỹ thuật y khoa trong điều kiện thực tế lâm sàng cùng với việc học tại Trung tâm huấn luyện Kỹ năng y khoa. Khóa học cũng chú trọng đến năng lực giao tiếp của sinh viên với cả bệnh nhân, người nhà, các nhân viên y tế, giảng viên và các bạn học. Tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa cũng là một trong những lĩnh vực chính được chú trọng.

Công thức tính điểm đối với cả học phần lý thuyết và thực hành:

$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

17. Module thực hành y khoa – Ngoại khoa**4.0 tín chỉ**

Mã học phần: 1130SGEPRT1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại

Ngoại khoa cơ sở là môn học trang bị cho người học những kiến thức ngoại khoa cơ bản, cách khám phát hiện triệu chứng ngoại khoa trên lâm sàng; quy trình thăm khám và làm bệnh án ngoại khoa.

Công thức tính điểm đối với cả học phần lý thuyết và thực hành:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

18. Truyền nhiễm**5.5 tín chỉ**

Mã học phần: 1130INFECDD0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sỹ Y khoa hệ chính quy. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phát hiện biến chứng và phòng ngừa những bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Học phần lâm sàng: sinh viên sẽ vận dụng kiến thức học được từ học phần lý thuyết khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm, từ đó biết cách khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ, thăm khám phát hiện triệu chứng thực thể, ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định cho người bệnh và kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

Công thức tính điểm đối với cả học phần lý thuyết và thực hành:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

19. Y học gia đình 2**2,0 tín chỉ**

Mã học phần: 1130FMLMED2T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y học gia đình

Môn học luân khoa Y học gia đình (YHGD) 2 là một khóa học với tổng số 3 tuần, trong đó có 4 buổi học lý thuyết do bộ môn YHGD giảng và 4 buổi học lý thuyết thuộc học phần tự chọn (bộ môn Da Liễu, Bộ môn Phục hồi chức năng) hoặc thuộc 2 bộ môn (Bộ môn Phổi và Bộ môn Răng Hàm Mặt)

Mỗi lớp Y5 chia thành 3 nhóm đi thực hành tại 3 trạm y tế xã vào các buổi sáng của 5 ngày trong tuần dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng hướng dẫn và

giảng viên thỉnh giảng. Đối tượng thực hành là bệnh nhân đến khám tại trạm Y tế xã, các cá nhân thuộc hộ gia đình đang sinh sống trên địa bàn.

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

20. Tâm thần

2,0 tín chỉ

Mã học phần: 1130PSYCHI0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tâm thần

Chương trình lý thuyết bao gồm phần đại cương phần này nêu lên khái niệm thế nào là các rối loạn tâm thần. Tầm quan trọng của tâm thần học trong y học nói riêng và trong cuộc sống của con người nói chung. Nêu các quan niệm khác nhau về tâm thần. Nêu vấn đề bệnh nguyên, bệnh sinh của các rối loạn tâm thần để từ đó tìm ra cách phòng chữa và giám định các trường hợp bị rối loạn tâm thần.

Phần triệu chứng học mô tả chi tiết các triệu chứng của bệnh giúp cho người học nắm chắc các triệu chứng bệnh lý và biết phân biệt với sinh lý bình thường của con người.

Phần bệnh học nêu lên triệu chứng, vấn đề bệnh nguyên, vấn đề bệnh sinh. Nêu cụ thể tiêu chuẩn chẩn đoán cho một số bệnh tâm thần thường gặp. Nêu nguyên tắc điều trị chung cho các rối loạn tâm thần và riêng cho từng loại bệnh cụ thể để giúp sinh viên nắm chắc được cách điều trị và dự phòng bệnh tái phát.

Sinh viên đi thực tập tại bệnh viện tâm thần tham gia học tập hỏi và khám trên người bệnh cụ thể có thầy cô tham gia điều trị giảng dạy và các bác sỹ lâm sàng có nhiều kinh nghiệm. Học về cách khai thác bệnh nhân về triệu chứng bệnh, thời gian xuất hiện bệnh, số lần tái phát, về tiền sử gia đình có người thân nội ngoại 3 đời bị các rối loạn tâm thần từ đó sinh viên phải lập luận chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân thông qua bệnh án chi tiết. Mỗi khóa học sinh viên có những buổi giảng của giảng viên về phát hiện các triệu chứng cụ thể trên bệnh nhân (Giảng đầu giường). Sau đó có những buổi bình bệnh án (nghiên cứu từng ca) giúp cho sinh viên lập luận và chẩn đoán chắc chắn và đưa ra phương án điều trị cụ thể.

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

21. Mắt

2,0 tín chỉ

Mã học phần: 1130OPHTHA0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Mắt

Học phần Mắt là một trong các môn y học lâm sàng trong chương trình đào tạo bác sỹ Y khoa. Học phần Mắt có thời gian trong 2 tuần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng, thái độ về các bệnh học trong nhãn khoa. Sinh viên có kiến thức sâu

hơn về giải phẫu và sinh lý mắt để ứng dụng trên lâm sàng (nội dung này đã được giảng dạy trong năm thứ nhất). Học phần trang bị cho sinh viên về các bệnh lý trong nhãn khoa thường gặp ở tất cả các khía cạnh: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị, dự phòng. Học phần này giúp bác sĩ YHCT có khả năng vận dụng hiệu quả những kiến thức y học hiện đại trong y học cổ truyền. Sự vận dụng này sẽ tạo ra những linh hoạt, chất lượng trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của cộng đồng. Trong khóa học 2 tuần sinh viên trải qua các hoạt động như sau:

- Học lý thuyết trên giảng đường vào các buổi chiều hoặc trực tuyến: cả lớp
- Học thực hành tại tiền lâm sàng và các cơ sở thực hành (bệnh viện): chia thành nhóm nhỏ, đảo nhóm sau một thời gian nhất định. Sinh viên được học lâm sàng tại 3 bệnh viện: bệnh viện Mắt Thái Bình, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

22. Y học cổ truyền

6,0 tín chỉ

Mã học phần: 1130TRAMED0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y học cổ truyền

Vòng luân khoa Y học cổ truyền là một khóa học 6 tuần trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám (bệnh nhân ngoại trú) trong thời gian 2 tuần, khu vực khoa điều trị nội trú (bệnh nhân nội trú) trong thời gian 4 tuần.

Địa điểm đi lâm sàng tại: Khoa YHCT – BV Đại học Y Thái Bình, Khoa YHCT – BV Đa khoa tỉnh Thái Bình, bệnh viện YHCT tỉnh Thái Bình.

Mỗi lớp Y5 chia thành 3 nhóm, luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh YHCT 2 tuần và đi lâm sàng tại khoa điều trị nội trú YHCT 4 tuần

Công thức tính điểm cho cả học phần lý thuyết và lâm sàng:

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

23. Ung thư học

2,0 tín chỉ

Mã học phần: 1130CANCER0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại – Ung bướu

Học phần lý thuyết gồm các phần cơ bản:

- Tổng quan Ung thư: cung cấp cho sinh viên những kiến thức bản về đại cương, nguyên nhân và dự phòng bệnh Ung thư trên thế giới cũng như tại Việt Nam

- Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị bệnh ung thư: bao gồm những kiến thức về việc chẩn đoán bệnh ung thư dựa vào những tiêu chuẩn nào, nguyên tắc điều trị bệnh ung thư ra sao.

- Điều trị phẫu thuật, hóa trị, xạ trị, giảm nhẹ bệnh ung thư: cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các phương pháp điều trị bệnh lý ung thư cơ bản.

- Bệnh học Ung thư (Ung thư Giáp – Vú – Phổi) Công thức tính điểm cho cả học phần lý thuyết và lâm sàng:

Công thức tính điểm

$$\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

24. Kinh tế chính trị

2 tín chỉ

Mã học phần: 9110MLPLEC0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Chương trình học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương:

Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác- Lênin.

Chương II : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Chương III : Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Chương IV : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Chương V: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Chương VI : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

25. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 tín chỉ

Mã học phần: 9110SOCIAL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 07 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 30 tiết (02 tín). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH. Chương 2 trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối

cảnh hiện nay. Chương 3 trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; sự vận dụng vấn đề này ở Việt Nam. Chương 4 trình bày bản chất nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Chương 5 trình bày vấn đề cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chương 6 trình bày vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề này. Chương 7 trình bày vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt nam hiện nay.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

26. Giáo dục thể chất 3

1 tín chỉ

Mã học phần: 7110PHYSED3P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần giáo dục thể chất 3 cung cấp kiến thức cơ bản của môn Cầu lông (lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài...), giúp người học nắm được nguyên lý kỹ thuật; tư thế chuẩn bị và di chuyển, giao cầu, đánh cầu; các bài tập bổ trợ, các phương pháp tập luyện các kỹ thuật cầu lông, bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, bổ trợ thể lực chuyên môn.

Công thức tính điểm:

ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

27. Pháp y (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1130FRSMED0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn giải phẫu bệnh

Học phần Pháp y là một trong các môn y học chuyên ngành khối chuyên khoa trong đào tạo bác sỹ. Học phần này vận dụng kiến thức y sinh học (sinh vật, sinh lý, giải phẫu bệnh, sản khoa, huyết học, độc chất học...) vào những vụ việc vi phạm đến nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của con người... khi cơ quan tiến hành tố tụng (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án...) yêu cầu, phục vụ cho luật pháp, hỗ trợ đắc lực cho cơ quan tiến hành tố tụng trong việc điều tra, xét xử.

Học phần này hướng dẫn cho sinh viên kỹ thuật mổ tử thi và lấy các cơ quan phủ tạng, lấy các mẫu gửi xét nghiệm tìm độc chất.

Công thức tính điểm:

Điểm học phần = ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

28. Thần kinh (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1130NEUROL0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn thần kinh

Sinh viên cần áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học tiền lâm sàng thực hành y khoa và trong khi học tập tại các bộ môn lâm sàng trước đó vào công việc với mỗi bệnh nhân cụ thể để xây dựng và tích lũy kinh nghiệm khám lâm sàng Thần kinh của bản thân chú trọng tới việc xác định và khai thác các yếu tố bệnh sử quan trọng, liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng đối với bệnh nhân chuyên khoa thần kinh.

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

29. Da liễu (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1131DERMAT0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Da liễu

Học phần Da liễu là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ Y khoa hệ chính quy. Học phần lý thuyết Da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về căn nguyên, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và điều trị một số bệnh ngoài da thường gặp, bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phong.

Học phần lâm sàng Da liễu sẽ giúp sinh viên thực hiện được các kỹ năng cơ bản nhất để khám đánh giá được tổn thương của bệnh nhân, từ đó có thể chẩn đoán và điều trị được các bệnh ngoài da thường gặp.

Công thức tính điểm: $\text{ĐHP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,5 + \text{ĐLT} \times 0,4$

30. Da liễu (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1131DERMAT0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Da liễu

Học phần Da liễu là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ Y khoa hệ chính quy. Học phần lý thuyết Da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về căn nguyên, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và điều trị một số bệnh ngoài da thường gặp, bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phong.

Học phần lâm sàng Da liễu sẽ giúp sinh viên thực hiện được các kỹ năng cơ bản nhất để khám đánh giá được tổn thương của bệnh nhân, từ đó có thể chẩn đoán và điều trị được các bệnh ngoài da thường gặp.

Công thức tính điểm: $\text{ĐHP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,5 + \text{ĐLT} \times 0,4$

31. Phục hồi chức năng (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1131REHABL0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Phục hồi chức năng

Học phần Phục hồi chức năng là một trong các học phần y học lâm sàng thuộc khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa hệ chính quy. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phòng ngừa tàn tật, trang bị các kiến thức giúp sinh viên chẩn đoán và phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa...

- Thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu cơ bản như: hồng ngoại, điện một chiều đều, điện xung, xoa bóp, vận động.
- Hỏi bệnh, phát hiện được các triệu chứng, chẩn đoán, điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa.....

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

32. Răng Hàm Mặt (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1131ODONTO0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Răng hàm mặt

Học phần Răng Hàm Mặt là một trong môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần Răng Hàm Mặt sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khám phát hiện được các triệu chứng và hội chứng cơ bản và nguyên tắc xử trí một số bệnh lý răng hàm mặt thường gặp trên lâm sàng.

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

33. Truyền nhiễm (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1130INFEC0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sĩ Y khoa hệ chính quy. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phát hiện biến chứng và phòng những bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Học phần lâm sàng: sinh viên sẽ vận dụng kiến thức học được từ học phần lý thuyết khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm, từ đó biết cách khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ, thăm khám phát hiện triệu chứng thực thể, ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định

cho người bệnh và kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

34. Module Thực hành y khoa 3 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 1120PRTMED3P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tiền lâm sàng

Module POM3, Thực hành y khoa3, là một trong các module nằm trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về các kỹ thuật, thủ thuật và kỹ năng thăm khám cơ bản trong thực hành Y khoa. Module này giúp sinh viên được tiếp cận với những tình huống giao tiếp, những kỹ năng thăm khám và thủ thuật cơ bản trong chuyên ngành Nội, Ngoại, Chấn thương và Nhi khoa, được thực hành trên các mô hình, dụng cụ và người bệnh giả qua các phương pháp: đóng vai, case - study, bảng kiểm, video... qua đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, thái độ và kỹ năng y khoa cơ bản để tự tin hơn khi thực hành tại cộng đồng và bệnh viện.

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

35. Tổ chức, quản lý y tế và Giáo dục sức khỏe (3 tín chỉ)

Mã học phần: 1130ORMAED0T

Đơn vị giảng dạy: Tổ chức và quản lý y tế

Module POM3, Thực hành y khoa3, là một trong các module nằm trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về các kỹ thuật, thủ thuật và kỹ năng thăm khám cơ bản trong thực hành Y khoa. Module này giúp sinh viên được tiếp cận với những tình huống giao tiếp, những kỹ năng thăm khám và thủ thuật cơ bản trong chuyên ngành Nội, Ngoại, Chấn thương và Nhi khoa, được thực hành trên các mô hình, dụng cụ và người bệnh giả qua các phương pháp: đóng vai, case - study, bảng kiểm, video... qua đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, thái độ và kỹ năng y khoa cơ bản để tự tin hơn khi thực hành tại cộng đồng và bệnh viện.

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

36. Modul YTCC3 - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (1.5 tín chỉ)

Mã học phần: 1120NUTSFE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ Môn Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật. Sinh viên được nghiên cứu về vai trò, nhu cầu của các chất sinh năng lượng, vitamin và chất khoáng, biết được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh một số thực phẩm thường sử dụng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua các chỉ tiêu nhân trắc, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, biết cách quản lý và dự phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng.

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

37. MODULE SINH DỤC SINH SẢN (3.5 tín chỉ)

Mã học phần: 1120GNRPSY0T

Đơn vị giảng dạy: MODULE SINH DỤC SINH SẢN

Module sinh dục - sinh sản cung cấp cho sinh viên năm thứ ba các kiến thức cơ bản về sự phát triển của các giao tử người, hiểu biết về tương tác giữa chúng cũng như tiến trình làm tổ của phôi và phương thức chuẩn bị môi trường làm tổ của trứng đã thụ tinh. Giải thích được cơ chế các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thường gặp; phân tích cơ chế tác dụng của nhóm thuốc điều trị bệnh lý hệ sinh dục. Như vậy, sau khi hoàn thành module này, sinh viên sẽ có được trang bị tối thiểu cho việc tự học sau này và đủ năng lực để vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các ứng dụng trong lĩnh vực sản phụ khoa, ở những năm học sau.

Công thức tính điểm:

ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

38. MODULE THẦN KINH (3.5 tín chỉ)

Mã học phần: 1120NERVSY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giải phẫu học

Sau khi học xong module Thần kinh, sinh viên có kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng hệ thần kinh bình thường, liên quan hệ thần kinh với các hệ khác, từ đó giải thích được các biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh về hệ thần kinh thường gặp, đồng thời phân tích được đặc điểm tác dụng của các thuốc trên hệ Thần kinh.

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

39. TAI MŨI HỌNG (2 tín chỉ)

Mã học phần: 1130OTORHI0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tai mũi họng

Học phần Tai Mũi Họng là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ Y đa khoa. Học phần Tai Mũi Họng hướng dẫn sinh viên tiếp cận chẩn đoán, tìm hiểu nguyên nhân, cơ chế gây nên các triệu chứng, hướng xử trí các biểu hiện bệnh lý tai, mũi, họng và các cấu trúc liên quan ở vùng đầu cổ bao gồm cả các xoang, thanh quản, khoang miệng và vùng cổ bên.

Vòng luân khoa Tai mũi họng với đối tượng Y đa khoa là một khóa học 3 tuần, trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám Tai mũi họng (bệnh nhân ngoại trú) và khu vực khoa Tai mũi họng khu điều trị nội trú bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Mỗi lớp Y5 chia thành 4 nhóm luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh và đi lâm sàng tại khoa Tai mũi họng Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

40. Nội khoa 1 (LT: 4,0 TC – TH: 4,0 TC)

Mã học phần: 1130INTMED2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nội

Vòng luân khoa Nội 1 là một khóa học 9 tuần trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám/phòng cấp cứu nội (bệnh nhân ngoại trú) trong thời gian 2 tuần, khu vực khoa Nội điều trị nội trú (bệnh nhân nội trú) trong thời gian 7 tuần.

Địa điểm đi lâm sàng tại các bệnh viện Đa khoa huyện hoặc tương đương: Đại học Y Thái Bình, Vũ Thư, Kiến Xương, Đông Hưng, Lâm Hoa, Hoàng An...

Mỗi lớp Y4 chia thành 4 nhóm, luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh/phòng cấp cứu Nội 2 tuần và đi lâm sàng tại khoa Nội điều trị nội trú 7 tuần.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

41. Ngoại khoa 1 (LT: 2,0 TC – TH: 2,5 TC)

Mã học phần: 1130SURGER2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại

Ngoại Khoa là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa. Vòng luân khoa Ngoại 1 là 1 khóa học 6 tuần gồm cả phần thực hành lâm sàng và lý thuyết.

Trong vòng luân khoa này được xây dựng trên nền tảng kiến thức và kỹ năng của học phần Thực hành Y khoa Ngoại (Y3). Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác bệnh sử, tiền sử của người bệnh, thực hiện khám thực thể để đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, đề xuất các chiến lược nhằm rút gọn chẩn đoán tiềm năng, chẩn đoán, xử trí các vấn đề ngoại khoa thông thường, bao gồm cả việc theo dõi các bệnh nhân sau phẫu thuật..

Sinh viên sẽ đi lâm sàng tất cả các buổi sáng trong tuần và 2 buổi chiều ở cả phòng khám và các khoa điều trị nội trú của BV thực hành. Sinh viên Y4 tham gia trực với tần xuất 1 buổi/tuần.

Mỗi tuần sinh viên sẽ tham gia học lý thuyết 3 buổi chiều.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

42.1.3. Chấn thương (LT: 1,0 TC – TH: 1,5 TC)

Mã học phần: 1130TRAUMA1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Chấn thương

- Vòng luân khoa Chấn thương 1 là một khóa học 3 tuần trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: phòng khám (1 lần/1 tuần) và khoa điều trị nội trú.

- Mỗi lớp Y4 chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đi liên tục ở khoa nội trú 3 tuần liên tiếp, trong đó, mỗi tuần có 1 ngày sinh viên học ở phòng khám.

- Địa điểm đi lâm sàng tại các bệnh viện: Đại học Y Thái Bình, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định.

Các nhóm sinh viên được phân công đi lâm sàng tại các địa điểm theo kế hoạch sau:

Thời gian	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3
Nhóm 1	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú
Nhóm 2	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú
Nhóm 3	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú	Phòng khám+Nội trú

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

43. Sản Phụ khoa 1 (LT: 3,0 TC – TH: 4,0 TC)

Mã học phần: 1130OBSGYN1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Sản Phụ khoa

- Vòng luân khoa sản là một khóa học 9 tuần được chia thành 2 giai đoạn bao gồm: giai đoạn đầu 1 tuần, sinh viên sẽ được đi học tại phòng tiền lâm sàng (skill-lab) cả ngày để học các kỹ năng khám sản phụ khoa và các thủ thuật trên mô hình; giai đoạn 2 gồm 8 tuần học lâm sàng tại bệnh viện.

- Địa điểm học lâm sàng là tại bệnh viện Phụ Sản tỉnh Thái Bình, bệnh viện Phụ Sản tỉnh Nam Định.

- Kế hoạch học được phân bổ như sau:

+ Tuần thứ 1: tất cả lớp học tập trung tại skill-lab các cả ngày.

+ Từ tuần thứ 2 đến tuần 9, các em học tại bệnh viện, mỗi lớp chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm học 2 tuần một khoa, tại 4 khoa sau: khoa Khám bệnh, khoa Đẻ - Cấp cứu, khoa Sản, khoa Phụ.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

44. Nhi khoa 1 (LT: 3,0 TC – TH: 4,0 TC)

Mã học phần: 1130PEDIAT1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nhi

Vòng luân khoa Nhi 1 là một khóa học 9 tuần trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám/phòng cấp cứu nhi (bệnh nhân ngoại trú) trong thời gian 3 tuần, khu vực khoa Nhi điều trị nội trú (bệnh nhân nội trú) trong thời gian 6 tuần.

Địa điểm đi lâm sàng tại các bệnh viện Đa khoa huyện hoặc tương đương như bệnh viện Thành phố, Vũ Thư, Kiến Xương, Đông Hưng

Mỗi lớp Y4 chia thành 3 nhóm, luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh/phòng cấp cứu Nhi 3 tuần và đi lâm sàng tại khoa Nhi điều trị nội trú 6 tuần.

Công thức tính điểm

Điểm KTHP = 10% x CC + 20% x GHP + 70% x CHP

45. Ngoại ngữ (LT: 3,0 TC – TH: 0,0 TC)

Mã học phần: 1110FRLGEN4T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Kiến thức

- **Từ vựng và Ngữ pháp:** Trang bị cho sinh viên các tổ hợp từ và thuật ngữ Y khoa liên quan tới kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, lấy bệnh sử, tìm hiểu triệu chứng, thăm khám lâm sàng, chẩn đoán bệnh... cũng như nắm vững các cấu trúc ngữ pháp.

- **Nghe:** Nghe hiểu các câu hỏi, đoạn hội thoại và đoạn trình bày trong bài khóa.

- **Nói:** Diễn đạt tự nhiên (có thể mắc một số lỗi ngữ pháp) khi trao đổi các thông tin cơ bản về các tình huống giao tiếp trong môi trường bệnh viện. Có thể tham gia tranh luận về một số chủ đề đơn giản phổ biến trong chuyên ngành sức khỏe.

- **Đọc:** Có thể đọc hiểu được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản. Hiểu được những văn bản mang văn phong học thuật, các bảng biểu thông tin, các sơ đồ tư duy cũng như các đoạn văn ngắn khác có chủ điểm Y khoa.

- **Viết:** Có khả năng viết đúng ngữ pháp, đúng chính tả về các loại văn bản trong y khoa như ghi chú, biểu mẫu, báo cáo, đối chiếu so sánh, miêu tả biểu đồ, quy trình.

Thái độ

- Tham dự đầy đủ các buổi học.

- Chuẩn bị bài và hoàn thành các bài tập được giao trước khi đến lớp.

- Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo nhóm.

- Chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và bộ môn.

Công thức tính điểm

Điểm KTHP = 10% x CC + 20% x GHP + 70% x CHP

46. Y học gia đình (LT: 1,0 TC – TH: 1,0 TC)

Mã học phần: 1130FMLMED1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y học gia đình

Vòng luân khoa Y học gia đình (YHGD) 1 là một khóa học với tổng số 2,5 tín chỉ trong đó sinh viên được học lí thuyết phần tổng quan và thực hành các nguyên lý y học gia đình, các công cụ đánh giá gia đình, phương pháp làm việc của bác sĩ gia đình tại phòng hành y học gia đình của Bộ môn Y học gia đình.

Mỗi lớp Y4 chia thành 4 nhóm thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và trợ giảng.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

47. Lịch sử đảng (LT: 2,0 TC – TH: 0,0 TC)

Mã học phần: 7110HSTPRT0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.
- Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc
- Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

48.1.9. Nhà nước pháp luật (LT: 1,0 TC – TH: 0,0 TC)

Mã học phần: 1110AHEINS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Nội dung trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam nói riêng và kiến thức cơ bản nhất về một số ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Công thức tính điểm

$$\text{Điểm KTHP} = 10\% \times \text{CC} + 20\% \times \text{GHP} + 70\% \times \text{CHP}$$

49. Nội khoa 2 (7,0 TC - 3,0 TCLT - 4,0 TCTH)

Mã học phần: 1130INTMED3B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nội

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò giúp chẩn đoán bệnh các hệ cơ quan. Tiêu chí chẩn đoán các bệnh được cập nhật, việc chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt được biên soạn giúp cho sinh viên có thể áp dụng tốt trong thực hành. Những nguyên tắc điều trị kinh điển và hiện đại, phác đồ xử trí và các thuốc được dùng điều trị chính trong các bệnh tại các hệ cơ quan sẽ được giới thiệu đầy đủ trong học phần này. Song song với việc điều trị, các nguyên tắc dự phòng bệnh cũng được đề cập đầy đủ.

$$\text{Công thức tính điểm: } \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

50. Ngoại khoa 2 (3,5 TC - 1,0 TCLT - 2,5 TCTH)

Mã học phần: 1130SURGER3B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp. Sau khi kết thúc học phần người học có khả năng tham gia khám chữa bệnh các bệnh ngoại khoa thường gặp.

$$\text{Công thức tính điểm: } \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$$

51. Chấn thương 2 (2,5 TC - 1,0 TCLT - 1,5 TCTH)

Mã học phần: 1130TRAUMA2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Chấn thương

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên

tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh chấn thương thường gặp. Sau khi kết thúc học phần người học có khả năng tham gia khám chữa bệnh các bệnh chấn thương thường gặp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

52. Sản phụ khoa 2 (5,0 TC - 2,0 TCLT - 3,0 TCTH)

Mã học phần: 1130OBSGYN2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Sản phụ khoa

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp thai nghén bệnh lý. Tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng. Triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số bệnh phụ khoa thường gặp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

53. Nhi khoa 2 (5,0 TC - 2,0 TCLT - 3,0 TCTH)

Mã học phần: 1130PEDIAT2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nhi

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em. Chẩn đoán và xử trí các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Chẩn đoán và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em. Chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh.

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa cơ sở như sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ, theo dõi và đánh giá sức khỏe trẻ em qua các thời kỳ. Hơn nữa, học phần này mô tả về đặc điểm giải phẫu, sinh lý của các hệ thống các bộ phận cơ thể trẻ em như đặc điểm bộ máy hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu. Giúp cho sinh viên chẩn đoán và xử trí những bệnh thường gặp ở trẻ em như suy dinh dưỡng, tiêu chảy cấp, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính. Đồng thời, cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em, hướng dẫn thực hành về nuôi dưỡng trẻ.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

54. Hệ Nội-Nhi (5,0 TC - 0,0 TCLT - 5,0 TCTH)

Mã học phần: 1131INTPED0B

Đơn vị giảng dạy: Các khoa Nội, Nhi thuộc các bệnh viện tuyến tỉnh

Học phần Nội cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về bệnh lý, các phương pháp chẩn đoán và điều trị những bệnh nội khoa thường gặp trong các chuyên khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa. Nội dung biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về điều trị, qua đó sinh viên có thể thực hành có hiệu quả việc chăm sóc, điều trị dự phòng bệnh và có thể tham gia xử trí những trường hợp cấp cứu trong lĩnh vực khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa.

Học phần Nhi này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, xử trí các bệnh lý hô hấp. Đồng thời học phần này cũng cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận về nguyên nhân, chẩn đoán, xử trí cấp cứu bệnh tiêu hóa, các bệnh lý sơ sinh như dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên rèn luyện những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong công tác chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý cấp cứu ở trẻ em.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

55. Hệ Ngoại-Sản (5,0 TC - 0,0 TCLT - 5,0 TCTH)

Mã học phần: 1131SUROBS0B

Đơn vị giảng dạy: Các khoa Ngoại, Sản thuộc các bệnh viện tuyến tỉnh

Nội dung gồm cấp cứu ngoại khoa về bụng cấp, các bệnh lý lồng ngực mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Chi tiết học phần gồm bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa, lồng ngực-mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Thực hiện các thủ thuật cơ bản trong cấp cứu bụng và ngoại khoa tiêu hóa, phụ mổ các ca bệnh từ đơn giản đến phức tạp.

Học phần Định hướng chuyên khoa giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về chẩn đoán, biết cách theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường; định hướng bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu; có khái niệm về những trường hợp thai nghén bệnh lý, một số vấn đề về sinh lý phụ khoa thường gặp. Học phần này còn giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể trong công tác tư vấn, quản lý thai kỳ, thực hiện được một số thủ thuật không xâm lấn trong chẩn đoán và điều trị.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

XIII. SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo:

1.1. Chương trình:

Được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012 kết hợp với chương trình đào tạo hiện đang thực hiện của Nhà trường. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ y tế chỉ đạo thực hiện.

1.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và thời gian

Thời gian học tập trong 6 năm chia 12 học kỳ. Nhà trường chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ nhưng phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn Khoa học cơ bản, Y học cơ sở, Tiền lâm sàng rồi mới học các môn Lâm sàng.

2. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế cộng đồng

2.1. Thực tập

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuỳ theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập theo quy định.

2.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện từ năm học thứ 3. Địa bàn thực tập là các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh.

2.3. Thực tế cộng đồng

Địa bàn thực tế cộng đồng tại các Trạm y tế xã, BVĐK tuyến huyện.

3. Thực tập tốt nghiệp

3.1. Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện tuyến tỉnh trở lên.

3.2. Tốt nghiệp

Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp: thực hiện theo quy định của của Bộ Giáo dục Đào tạo và Nhà trường.

XIV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật
1	Xây dựng chương trình Y khoa đổi mới	2018
2	- Cập nhật điều chỉnh khối lượng kiến thức - Điều chỉnh nội dung các học phần LLCT	2019
3	- Cập nhật điều chỉnh theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2011 của Bộ GDĐT	2022
4	Cập nhật điều chỉnh cấu trúc một số modul trong CTĐT	2023

